

Số: /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết,  
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an  
toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy  
định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh  
vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của  
Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng  
giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông  
vận tải Quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong  
lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao  
thông vận tải Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ  
tầng đường bộ;

Căn cứ Thông báo số 101-TB/TU ngày 16/9/2025 của Ban Thường vụ  
Tỉnh ủy đối với một số nội dung báo cáo, xin ý kiến của Đảng ủy UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 34/TTr-SXD ngày  
21/8/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Quy định quản lý, vận hành,  
khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý, vận hành,  
khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

#### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu  
lực thi hành:

Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công an; Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các tổ chức hội doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, TTTT;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Thế Tuấn**

## QUY ĐỊNH

### Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm  
2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

#### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số điều của Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, gồm:

a) Điểm b khoản 4 Điều 8 của Luật số 35/2024/QH15 về Quy định việc quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn.

b) Khoản 5 Điều 30 của Luật số 35/2024/QH15 về Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác.

2. Một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, phòng chống thiên tai và quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến quốc lộ được phân cấp quản lý; đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ; đường tỉnh; đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

#### Chương II

#### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

##### Điều 3. Giao quản lý các tuyến đường bộ

1. Sở Xây dựng quản lý đối với các loại đường:

a) Đường tỉnh, quốc lộ được phân cấp, giao quản lý; đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ (trừ một số công trình trên tuyến giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) quản lý);

c) Các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý đối với

a) Đường dành cho giao thông công cộng trong phạm vi ranh giới các khu công nghiệp (*trừ các tuyến đường do Sở Xây dựng quản lý*);

b) Các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. UBND cấp xã quản lý đối với:

a) Hệ thống đường đô thị, đường nội các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (*trừ các tuyến đường do Sở Xây dựng quản lý*), đường xã, đường thôn trên địa bàn quản lý.

b) Các tuyến đường khác và một số công trình trên tuyến đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Đầu tư, xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ

Ủy ban nhân dân các cấp đầu tư các loại đường bộ và các công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng một số tuyến đường do cấp xã quản lý đối với các xã, phường khó khăn về khả năng cân đối ngân sách; UBND cấp xã quyết định đầu tư, xây dựng một số tuyến đường do cấp tỉnh quản lý mà cần thiết cho sự phát triển của cấp xã, sau khi xin ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh.

#### **Điều 4. Điều chỉnh các loại đường địa phương theo cấp quản lý**

1. Việc điều chỉnh các loại đường bộ được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Phân loại đường bộ đối với tuyến, đoạn tuyến đường bộ không còn đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật số 35/2024/QH15.

b) Vị trí, vai trò của tuyến, đoạn tuyến đường bộ trong công tác quản lý có sự thay đổi cần điều chỉnh phân loại.

c) Tuyến, đoạn tuyến đường bộ khi có thay đổi trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện điều chỉnh:

a) Cơ quan quản lý tuyến, đoạn tuyến đường bộ có hồ sơ đề nghị gửi UBND tỉnh điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý. Riêng đối với hệ thống đường đô thị, đường xã, đường thôn, UBND cấp xã đồng thời gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng để xem xét tham mưu UBND tỉnh quyết định điều chỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình đề nghị điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý, kèm theo hồ sơ tình trạng tuyến đường được đề nghị điều chỉnh: Hướng tuyến, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, cấp đường, bề rộng nền mặt đường, loại kết cấu mặt đường và các công trình chính trên tuyến (*số lượng 01 bản chính*);

Các quyết định phê duyệt dự án, báo cáo hoàn thành công trình và các tài liệu, văn bản khác có liên quan.

b) Sở Xây dựng kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị của UBND cấp xã và trình UBND tỉnh điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý đối với hệ thống đường đô thị, đường xã, đường thôn trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

3. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sau khi có quyết định điều chỉnh loại đường theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

#### **Điều 5. Đặt tên, đổi tên, số hiệu đường tỉnh, đường đô thị, đường xã**

1. Việc đặt tên, đổi tên, số hiệu đường tỉnh, đô thị đường xã thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật số 35/2024/QH15 và Điều 8 Nghị định 165/2024/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Các số tự nhiên để đặt số hiệu đường xã, đường đô thị trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

Số hiệu đường xã bao gồm: chữ “ĐX.” sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có.

Số hiệu đường đô thị bao gồm: chữ “ĐĐT.” sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có.

#### **Điều 6. Thẩm quyền tổ chức giao thông trên các tuyến quốc lộ, đường địa phương**

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã là cơ quan có trách nhiệm tổ chức giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý.

2. Đối với việc tổ chức giao thông trong giai đoạn quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng công trình đường bộ qua các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của hai cơ quan, địa phương quản lý đường bộ trở lên, Sở Xây dựng là cơ quan có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý đường bộ để thực hiện tổ chức giao thông.

## **Điều 7. Đặt biển tốc độ khai thác trên đường bộ**

1. Việc đặt biển báo tốc độ khai thác trên đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT của Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ (*được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BXD*).

2. UBND tỉnh giao trách nhiệm việc đặt biển báo tốc độ khai thác cho các đơn vị quản lý, cụ thể như sau: Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã quyết định đặt biển báo tốc độ khai thác đối với các tuyến đường được giao quản lý.

## **Điều 8. Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ**

1. Việc tổ chức Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và trạng thái kỹ thuật đường ngang thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2025/TT-BXD Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì tổng hợp thông tin về đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh để trình UBND tỉnh công bố về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý và đường chuyên dùng có hoạt động giao thông công cộng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã chịu trách nhiệm báo cáo thông tin trên các tuyến đường bộ được giao quản lý về Sở Xây dựng để tổng hợp.

4. Trường hợp có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trình UBND tỉnh cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được số liệu của các cơ quan quy định tại khoản 3 Điều này gửi về.

## **Điều 9. Kết nối giao thông với đường địa phương**

1. Việc đấu nối vào đường bộ phải phù hợp với các quy hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

2. Đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch quy định tại khoản 1 điều này, vị trí nút giao đấu nối mới phải đảm bảo khoảng cách như sau:

- a) Đối với đường cấp III trở lên: không nhỏ hơn 1.500m
- b) Đối với đường cấp IV trở xuống: không nhỏ hơn 1.000m.
- c) Không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề vào đường thôn, đường nhóm nhà ở nhưng việc đầu nối phải bố trí đầy đủ các công trình an toàn giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.
- d) Trường hợp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tuyến, đoạn tuyến đường bộ đi qua các địa bàn, khu vực có địa hình núi cao, vực sâu, sông, suối, kênh, rạch, đê điều, hồ, đập, công trình thủy lợi, thủy điện, đường sắt, khu vực di tích lịch sử, văn hóa, công trình quan trọng nhưng khó khăn trong việc xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh hoặc phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội cấp thiết của địa phương thì được giảm khoảng cách so với quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

### 3. Thẩm quyền chấp thuận vị trí đầu nối.

- a) Sở Xây dựng chấp thuận các điểm đầu nối vào đường tỉnh và các tuyến đường khác được giao quản lý. Đối với trường hợp quy định điểm d khoản 2 Điều này, Sở Xây dựng báo cáo xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận.
- b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chấp thuận vị trí đầu nối giao thông vào các tuyến đường được giao quản lý. Đối với trường hợp quy định điểm d khoản 2 Điều này, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh báo cáo xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận.
- c) UBND cấp xã chấp thuận vị trí đầu nối giao thông vào các tuyến đường được giao quản lý.

4. Nút giao đầu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường. Nếu có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc phải bố trí làn chuyển tốc cho các phương tiện vào nút giao rẽ phải.

## **Điều 10. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác**

1. Thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối thực hiện như sau:
  - a) Sở Xây dựng chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối đối với các tuyến quốc lộ phân cấp UBND tỉnh quản lý; đường tỉnh và các tuyến đường khác được UBND tỉnh giao quản lý.
  - b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối đối với các tuyến đường được UBND tỉnh giao quản lý.

c) UBND cấp xã chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối đối với các tuyến đường được giao quản lý.

2. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối theo quy định tại Điều 15 Nghị định 118/2025/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối theo mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này (*bản chính*);

b) Hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đầu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đầu nối, hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất; văn bản/quyết định chấp thuận vị trí đầu nối vào đường địa phương đang khai thác (*bản chính hoặc bản sao*);

c) Văn bản giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác (*bản chính hoặc bản sao*).

3. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với hồ sơ được nhận theo cách thức được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định 118/2025/NĐ-CP (*trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật*) thực hiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 118/2025/NĐ-CP.

b) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 118/2025/NĐ-CP;

c) Chuyển hồ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 18 Nghị định 118/2025/NĐ-CP;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác theo quy định tại mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác theo quy định tại Điều 11

Quy định này hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

5. Đối với kết nối giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã là người quyết định đầu tư, việc quyết định thiết kế nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác thực hiện trong quyết định phê duyệt dự án và không phải thực hiện quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

### **Điều 11. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác**

1. Thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối thực hiện như sau:

a) Sở Xây dựng cấp phép thi công nút giao đầu nối đối với các tuyến quốc lộ phân cấp UBND tỉnh quản lý, đường tỉnh và các tuyến đường khác được UBND tỉnh giao quản lý.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp phép thi công nút giao đầu nối đối với các tuyến đường bộ được UBND tỉnh giao quản lý.

c) UBND cấp xã cấp phép thi công nút giao đầu nối đối với các tuyến đường đô thị, đường xã, đường thôn thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối theo hình thức trực tiếp hoặc gửi gián tiếp (*qua hệ thống bưu điện hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến*) đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này (*bản chính*);

b) Thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đầu nối (*bản chính hoặc bản sao*).

3. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với hồ sơ được nhận theo cách thức được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định 118/2025/NĐ-CP (*trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật*) thực hiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 118/2025/NĐ-CP.

b) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 118/2025/NĐ-CP;

c) Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 18 Nghị định 118/2025/NĐ-CP;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác như sau:

a) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối bằng tiến độ thực hiện dự án;

b) Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đầu nối không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp phép thi công nút giao đầu nối.

c) Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công mà chưa hoàn thành thi công nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục cấp phép.

## **Điều 12. Công tác phòng, chống thiên tai trên các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh**

1. Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ thực hiện theo Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT Quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

2. Thẩm quyền tham mưu công bố quyết định tình huống khẩn cấp và kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai:

a) Sở Xây dựng tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố và kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường khác được giao quản lý.

b) Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn/Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố và kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp xã trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp xã.

3. Thẩm quyền quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với các tuyến đường bộ do Sở Xây dựng và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đối với các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

4. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

a) Sở Xây dựng đối với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường khác được giao quản lý.

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp xã đối với các tuyến đường được giao quản lý

### **Điều 13. Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được lập và phê duyệt hàng năm theo quy định của Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Các công việc trong kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT.

3. Lập, phê duyệt nhu cầu và kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Sở Xây dựng quản lý:

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật, nhu cầu khai thác vận tải, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ; tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật; Sở Xây dựng tổ chức lập nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và lập công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau trình UBND tỉnh trước ngày 30 tháng 5 hàng năm;

b) UBND tỉnh phê duyệt nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đồng thời với chấp thuận công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

c) Căn cứ vào công việc, danh mục dự án ưu tiên quy định tại điểm b khoản này, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự án sửa chữa công trình, dự toán các công việc trong kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm. Trường hợp cần thiết, Sở Xây dựng được phép điều chỉnh

cục bộ chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa, giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông trong phạm vi kinh phí của danh mục được UBND tỉnh chấp thuận, kinh phí phê duyệt không vượt quá 20% kinh phí của danh mục đã UBND tỉnh chấp thuận;

d) Căn cứ công việc, danh mục dự án ưu tiên tại điểm b khoản này; danh mục bảo trì (*bảo dưỡng, sửa chữa đột xuất, dự án chuyển tiếp từ năm trước sang*) và các công việc quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, Sở Xây dựng tổng hợp và trình UBND tỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau trước ngày 25 tháng 12 hàng năm;

đ) Sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau;

e) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thông báo nguồn vốn thực hiện không đủ để thực hiện toàn bộ công việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, các công việc, danh mục dự án được ưu tiên trong kế hoạch này bao gồm: bảo dưỡng thường xuyên; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; khắc phục nguy cơ sự cố công trình; công việc cần thiết khác ...

g) Điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ: Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Sở Xây dựng tổng hợp, trình UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh.

**Điều 14. Thẩm quyền quyết định một số nội dung trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.**

1. Sở Xây dựng, UBND cấp xã quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế thực hiện đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên trên các tuyến đường được giao quản lý theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng, UBND cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

3. UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ giữa các cơ quan cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp xã, giữa các cấp xã; UBND cấp xã quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường

bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

4. UBND tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Sở Xây dựng quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (*Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất*), UBND cấp xã quản lý, xử lý theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

5. Sở Xây dựng, UBND cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

6. Sở Xây dựng, UBND cấp xã quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại trên các tuyến đường được giao quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 15. Sở Xây dựng**

1. Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Quy định này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham mưu đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường được giao quản lý theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

##### **Điều 16. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã**

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường được giao quản lý theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến Nhân dân các quy định của pháp luật về phạm vi đất dành cho bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

3. Định kỳ ngày 25/11 hằng năm có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi Sở Xây dựng tổng hợp) tình hình quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ công trình kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý.

##### **Điều 17. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã, Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân quản lý,

sử dụng công trình đường bộ; đơn vị được giao quản lý công trình đường bộ thực hiện Quy định này.

**Điều 18. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.